

Số: 198 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 01 tháng 7 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt Đề án tinh giản biên chế năm 2015**  
**của UBND huyện Sơn Hà**

|                                      |               |
|--------------------------------------|---------------|
| TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI |               |
| <b>CV</b>                            | Số: 1892      |
| <b>ĐẾN</b>                           | Ngày: 01/7/15 |
|                                      | Chuyên:       |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà tại Tờ trình số 62/UBND ngày 24/6/2015 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 1059/SNV ngày 26/6/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án tinh giản biên chế năm 2015 của UBND huyện Sơn Hà.

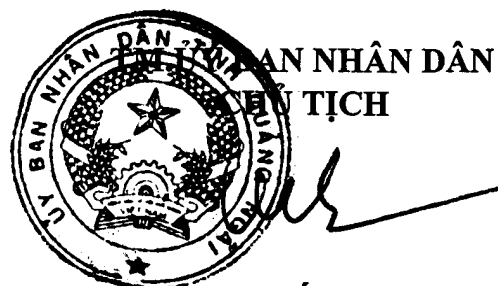
**Điều 2.** Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà tổ chức triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả và tập hợp hồ sơ, lập danh sách dự toán kinh phí chi trả cho đối tượng được tinh giản biên chế theo đúng quy định, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt kinh phí chi trả cho các đối tượng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

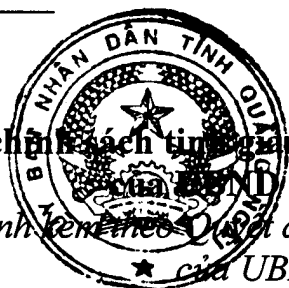
**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- VPUB: CBTH;
- Lưu: VT, NC<sub>nvhu420</sub>.



Lê Viết Chữ



**ĐỀ ÁN**  
**Thực hiện chính sách tinh giản biên chế cho cán bộ, công chức, viên chức**  
**của UBND huyện Sơn Hà năm 2015**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 01/7/2015*  
*của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

## **Phần I**

### **ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH, MỤC ĐÍCH YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC TINH GIẢN BIÊN CHẾ**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

UBND huyện Sơn Hà là cơ quan quản lý Nhà nước ở địa phương, có trách nhiệm quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện; chịu sự chỉ đạo, giám sát của Huyện uỷ Sơn Hà, Hội đồng nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tổ chức bộ máy của UBND huyện Sơn Hà có 13 cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện và các đơn vị sự nghiệp thuộc 04 lĩnh vực, 14 đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể:

#### **1. Khối hành chính:**

- Văn phòng HĐND&UBND;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Phòng Tài chính và Kế hoạch;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Văn hoá và Thông tin;
- Phòng Y tế;
- Phòng Tư pháp;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng;
- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thanh tra huyện;
- Phòng Dân tộc.

#### **2. Khối đơn vị sự nghiệp:**

- Sự nghiệp Văn hoá;
- Sự nghiệp Y tế;
- Sự nghiệp Giáo dục;
- Sự nghiệp khác.

### **3. Đơn vị Hành chính cấp xã:**

- Xã Sơn Hạ;                         - Xã Sơn Trung;
- Xã Sơn Thành;                    - Xã Sơn Bao;
- Xã Sơn Nham;                    - Xã Sơn Hải;
- Xã Sơn Cao;                      - Xã Sơn Thủy;
- Xã Sơn Linh;                      - Xã Sơn Kỳ;
- Xã Sơn Giang;                    - Xã Sơn Ba;
- Xã Sơn Thượng;                 - Thị trấn Di Lăng.

## **II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ**

### **1. Mục đích và yêu cầu:**

a) Nhằm xây dựng đội ngũ công chức, viên chức đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và cơ cấu hợp lý, có đủ phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; góp phần xây dựng một nền hành chính thống nhất, trong sạch, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, phấn đấu đạt mục tiêu chung là xây dựng nền công vụ “Chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả”.

b) Thực hiện chính sách tinh giản biên chế trên cơ sở rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đánh giá, phân loại công chức, viên chức gắn với việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong cơ quan, đơn vị.

### **2. Nguyên tắc tinh giản biên chế:**

a) Trên cơ sở Quy chế làm việc và mối quan hệ công tác của UBND huyện Sơn Hà, nhiệm kỳ 2011-2016 đã được UBND huyện ban hành tại Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 06/7/2011;

b) Đảm bảo tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật; thực hiện chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế kịp thời, đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật;

c) Người đứng đầu phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong cơ quan mình quản lý theo thẩm quyền.

## **Phần II**

### **CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

- Căn cứ Thông tư Liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

### **Phần III**

## **TÌNH GIẢM BIÊN CHẾ VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG BIÊN CHẾ**

### **I. THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ, TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC HIỆN NAY**

#### **1. Về thực trạng biên chế:**

##### *a) Biên chế hành chính:*

Hiện nay tổng số biên chế hành chính được giao năm 2015 là 79 biên chế. Biên chế đã thực hiện đến 30/4/2015 là: 77 biên chế. Trong đó cán bộ lãnh đạo Thường trực HĐND huyện: 02 biên chế, UBND huyện: 03 biên chế; cán bộ, công chức các phòng ban là 72 biên chế, cụ thể:

|  |                       |
|--|-----------------------|
| - Thường trực HĐND huyện:                                    | 02 biên chế           |
| - Lãnh đạo UBND huyện:                                       | 03 biên chế           |
| - Văn phòng HĐND và UBND:<br>đồng lao động theo Nghị định 68 | 14 biên chế và 03 hợp |
| - Phòng Nội vụ:  | 08 biên chế;          |
| - Phòng Tài chính - Kế hoạch:                                | 10 biên chế;          |
| - Phòng Giáo dục và Đào tạo:                                 | 01 biên chế;          |
| - Phòng Văn hóa và Thông tin:                                | 01 biên chế;          |
| - Phòng Y tế :   | 01 biên chế;          |
| - Phòng Tài nguyên và Môi trường:                            | 06 biên chế;          |
| - Phòng Tư pháp:   | 02 biên chế;          |
| - Phòng Kinh tế và Hạ tầng :                                 | 06 biên chế;          |
| - Thanh tra:   | 04 biên chế;          |
| - Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội:                    | 09 biên chế;          |
| - Phòng Dân tộc:   | 03 biên chế;          |
| - Phòng Nông nghiệp :  | 07 biên chế.          |

*b) Biên chế sự nghiệp:* Được giao 1.160 biên chế, đã thực hiện 1.069, cụ thể:

\* *Sự nghiệp văn hóa gồm:* 13/16 biên chế, trong đó:

- Phòng Văn hoá và Thông tin: 06 biên chế;
- Đài truyền thanh và Phát lại truyền hình: 07 biên chế;
- \* *Sự nghiệp y tế gồm: 03/04 biên chế, trong đó:*
- Sự nghiệp Hội chữ thập đỏ: 02 biên chế;
- Sự nghiệp tại phòng Y tế: 01 biên chế ;
- \* *Sự nghiệp khác: 22 biên chế, trong đó:*
- Trạm Khuyến nông: 06 biên chế
- Đội Quản lý trật tự đô thị: 03 biên chế;
- Phòng Kinh tế Hạ tầng (cấp giấy phép xây dựng: 02 biên chế;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất: 08 biên chế;
- Phòng Phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nông thôn mới): 03 biên chế;
- \* *Sự nghiệp Giáo dục gồm: 1.028 biên chế, trong đó:*
- Sự nghiệp giáo dục tại phòng Giáo dục: 13 biên chế;
- Sự nghiệp giáo dục mầm non: 191 biên chế;
- Sự nghiệp giáo dục tiểu học: 427 biên chế;
- Sự nghiệp giáo dục trung học cơ sở: 280 biên chế;
- Sự nghiệp tiểu học và trung học cơ sở: 111 biên chế;
- \* *Đơn vị sự nghiệp tự chủ về kinh phí: 05 đơn vị.*

### **c) Biên chế công chức xã, phường:**

Biên chế được giao 326, đã thực hiện: 275 biên chế, trong đó:

- Cán bộ: 153 biên chế;
- Công chức: 122 biên chế;

Cán bộ kiêm nhiệm có 07 người.

### **2. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:**

a) *Khối hành chính:* 77 người, trong đó:

- Thạc sĩ: 01 người, tỷ lệ 1,3%;
- Đại học: 44 người, tỷ lệ 57,1%;
- Cao đẳng: 05 người, tỷ lệ 6,5%;
- Trung cấp: 20 người, tỷ lệ 26%;
- Sơ cấp: 07 người, tỷ lệ 9,1%;

b) *Khối sự nghiệp:* 1.069 người, trong đó:

- Đại học: 527 người, tỷ lệ 24%;
- Cao đẳng: 416 người, tỷ lệ 38,9%;
- Trung cấp: 394 người, tỷ lệ 36,9%;
- Sơ cấp (không chuyên môn): 02 người, tỷ lệ 0,2%.

c) *Khối xã, thị trấn*: 275 người, trong đó:

- Thạc sĩ: 01 người, tỷ lệ 0,36%
- Đại học: 46 người, tỷ lệ 16,73%;
- Cao đẳng: 12 người, tỷ lệ 4,36%;
- Trung cấp: 152 người, tỷ lệ 55,27%;
- Sơ cấp: 13 người, tỷ lệ 4,73%;
- Không bằng cấp: 51 người, tỷ lệ 18,55%.

## II. XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ

1. Những người thuộc diện dôi dư do rà soát, sắp xếp lại các phòng chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không còn phù hợp với vị trí việc làm mới;

2. Dôi dư do cơ cấu lại công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác;

3. Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn;

4. Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên bị hạn chế về năng lực hoàn thành công việc được giao, nhưng không thể bố trí việc làm khác;

5. Do năng lực chuyên môn và sức khoẻ không đảm bảo để tiếp tục đảm nhận công việc, không thể bố trí việc làm khác phù hợp;

6. Dôi dư do sắp xếp lại tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc do đơn vị sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự.

## III. KẾ HOẠCH TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ

Căn cứ vào thực trạng về tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và định hướng kế hoạch cho các năm tiếp theo; UBND huyện Sơn Hà đã rà soát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND huyện và có kế hoạch thực hiện việc tinh giản biên chế như sau:

Trong năm 2015, có 13 người (03 công chức, 08 viên chức sự nghiệp trong biên chế và 01 viên chức sự nghiệp thuộc đơn vị tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên; 01 cán bộ xã) đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

(Có danh sách kèm theo).

\* **Lý do thực hiện tinh giản biên chế:** Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn; dôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm.

#### **IV. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG BIÊN CHẾ ĐÃ THỰC HIỆN TINH GIẢN**

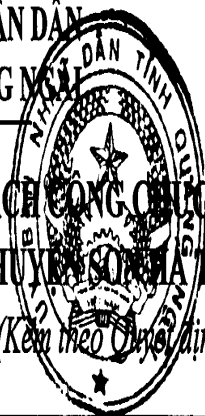
UBND huyện Sơn Hà được sử dụng tối đa không quá 50% số biên chế công chức, biên chế sự nghiệp đã thực hiện tinh giản theo Đề án này (trừ cán bộ, công chức xã; viên chức ngoài biên chế) để tuyển dụng, tiếp nhận mới công chức, viên chức theo quy định.

#### **Phần IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Giao Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả; tiến hành lập hồ sơ, danh sách và dự toán số tiền trợ cấp cụ thể cho đối tượng tinh giản biên chế theo quy định, gửi Sở Nội vụ thẩm định đối tượng và Sở Tài chính thẩm định kinh phí trình UBND tỉnh phê duyệt, chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng chính sách tinh giản biên chế theo quy định.

2. Hàng năm, Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện chính sách tinh giản biên chế cho UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 15/12 của năm đó./.

---



**DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THUỘC ĐỐI TƯỢNG TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ NĂM 2015  
CỦA UBND HUYỆN SƠN HÀ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2014/NĐ-CP NGÀY 20/11/2014 CỦA CHÍNH PHỦ**  
(Kèm theo Quyết định số 198 /QĐ-UBND ngày 01/7/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

| TT  | Họ và tên     | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn và chuyên ngành được đào tạo | Chức danh chuyên môn đang đảm nhận | Số năm đóng BHXH | Tuổi khi giải quyết tính giảm biên chế | Thời điểm tính giảm biên chế | Lý do tính giảm biên chế   |
|---|---------------|---------------------|--|------------------------------------|------------------|--|------------------------------|--|
| 1   | 2             | 3                   | 4  | 5                                  | 6                | 7                                      | 8                            |  |
| <b>I KHỐI HÀNH CHÍNH</b>  |               |                     |  |                                    |                  |  |                              |  |
| Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội  |               |                     |  |                                    |                  |  |                              |  |
| 1   | Trần Thị Thuý | 20/5/1962           | Đại học Kế toán                                  | Phó trưởng phòng                   | 29 năm 11 tháng  | 52 tuổi 11 tháng                       | 01/6/2015                    | Dôi dư do cơ cấu lại công chức theo vị trí việc làm  |
| 2   | Đặng Thị Mên  | 06/5/1964           |  | Văn thư - Thủ quỹ                  | 31 năm 2 tháng   | 51 tuổi                                | 01/6/2015                    | Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí đang đảm nhiệm |
| Phòng Tài chính - Kế hoạch  |               |                     |  |                                    |                  |  |                              |  |
| 3   | Tạ Hồng Vinh  | 25/03/1959          | Trung cấp  | Kế toán ngân sách                  | 38 năm           | 56 tuổi 2 tháng                        | 01/6/2015                    | Dôi dư do cơ cấu lại công chức theo vị trí việc làm  |
| <b>II KHỐI SỰ NGHIỆP</b>  |               |                     |  |                                    |                  |  |                              |  |
| Phòng Y tế  |               |                     |  |                                    |                  |  |                              |  |
| 4   | Bùi Tấn Hoàng | 06/6/1957           | Không  | Chuyên viên                        | 42 năm 11 tháng  | 58 tuổi                                | 01/6/2015                    | Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí đang đảm nhiệm |
| Ban Quản lý các dự án đầu tư và xây dựng (đơn vị tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên) |               |                     |  |                                    |                  |  |                              |  |



| TT                                | Họ và tên           | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn và chuyên ngành được đào tạo | Chức danh chuyên môn đang đảm nhận  | Số năm đóng BHXH | Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế | Thời điểm tinh giản biên chế | Lý do tinh giản biên chế  |
|-----------------------------------|---------------------|---------------------|--|-------------------------------------|------------------|--|------------------------------|---|
|                                   | 1                   | 2                   | 3  | 4                                   | 5                | 6                                      | 7                            | 8   |
| 5                                 | Hồ Duy Lâm          | 01/01/1960          | Sơ cấp sư phạm                                   | Nhân viên phụ trách công tác đền bù | 33 năm           | 55 tuổi 4 tháng                        | 01/6/2015                    | Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm |
| <b>Trường TH và THCS Nước Nia</b> |                     |                     |  |                                     |                  |  |                              |   |
| 6                                 | Trần Thị Trang      | 08/4/1962           | Trung cấp sư phạm                                | Giáo viên                           | 32 năm 6 tháng   | 53 tuổi                                | 01/4/2015                    | Đôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm                           |
| <b>Trường TH Sơn Thành</b>        |                     |                     |  |                                     |                  |  |                              |   |
| 7                                 | Trần Ngọc Mai       | 04/5/1960           | ĐH sư phạm                                       | Hiệu trưởng                         | 32 năm 10 tháng  | 55 tuổi                                | 01/6/2015                    | 02 năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực                      |
| <b>Trường Mầm non 17/3</b>        |                     |                     |  |                                     |                  |  |                              |   |
| 8                                 | Nguyễn Thị Thuận    | 01/10/1962          | Trung cấp  | Giáo viên                           | 35 năm 6 tháng   | 52 tuổi 7 tháng                        | 01/6/2015                    | Đôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm                           |
| 9                                 | Đinh Thị Hồng Lụa   | 13/12/1962          | Trung cấp  | Giáo viên                           | 31 năm 9 tháng   | 52 tuổi 5 tháng                        | 01/6/2015                    | Đôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm                           |
| <b>Trường Mẫu giáo Sơn Thượng</b> |                     |                     |  |                                     |                  |  |                              |   |
| 10                                | Nguyễn Thị Oanh     | 24/01/1963          | Trung học  | Hiệu trưởng                         | 33 năm 9 tháng   | 52 tuổi 4 tháng                        | 01/6/2015                    | 02 năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực                      |
| <b>Trường TH Sơn Kỳ</b>           |                     |                     |  |                                     |                  |  |                              |   |
| 11                                | Đinh Quang Hia      | 11/12/1957          | Trung cấp  | Giáo viên                           | 30 năm 9 tháng   | 57 tuổi 4 tháng                        | 01/6/2015                    | Đôi dư do cơ cấu lại viên chức theo vị trí việc làm                           |
| <b>Trường TH Sơn Thượng</b>       |                     |                     |  |                                     |                  |  |                              |   |
| 12                                | Huỳnh Văn Tín       | 06/4/1958           | Trung học  | Hiệu trưởng                         | 36 năm 8 tháng   | 57 tuổi 1 tháng                        | 01/6/2015                    | 02 năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực                      |
| III                               | <b>KHỐI XÃ, THỊ</b> |                     |  |                                     |                  |  |                              |   |

| TT | Họ và tên        | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn và chuyên ngành được đào tạo | Chức danh chuyên môn đang đảm nhận | Số năm đóng BHXH | Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế | Thời điểm tinh giản biên chế | Lý do tinh giản biên chế   |
|----|------------------|---------------------|--|------------------------------------|------------------|--|------------------------------|--|
|    | 1                | 2                   | 3  | 4                                  | 5                | 6                                      | 7                            | 8  |
|    | UBND xã Sơn Linh |                     |  |                                    |                  |  |                              |  |
| 13 | Đình Xuân Huế    | 01/9/1959           | Không  | Nguyên Bí thư Đảng ủy              | 21 năm 5 tháng   | 55 tuổi 06 tháng                       | 01/4/2015                    | Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí đang đảm nhiệm |

(Danh sách này có 13 người. Trong đó công chức hành chính 03 người; viên chức trong biên chế 08 người; 01 viên chức sự nghiệp thuộc đơn vị tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên; cán bộ xã 01 người)